

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-PT
Ngày 27 - 9 -2024
V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Lại Thị Hiếu.

Bà Điều Thị Kim Liên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 41/2024/TLDS-PT ngày 27 tháng 8 năm 2024 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Thị C, sinh năm 1953. Địa chỉ: Tổ A, Phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Văn phòng Luật sư L – Do ông Vũ Đức T - Luật sư, Trưởng văn phòng đại diện; Địa chỉ: 4xx đường D, tổ x, phường CS, thành phố S, tỉnh Sơn La (Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 29/6/2024). Có mặt.

- Bị đơn: Hội liên hiệp phụ nữ phường QT. Địa chỉ: A Trần Đ, phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Thu H – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường QT. Địa chỉ: Tổ B, phường CS, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Tống Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Tổng Thị C là hội viên Hội phụ nữ phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La (nay là Hội liên hiệp phụ nữ phường QT). Năm 2005 bà C được biết Hội phụ nữ phường QT có chủ trương vận động hội viên gửi tiền tiết kiệm tại Hội. Trong các ngày 04/5/2005 và ngày 18/5/2005, bà C đã gửi tiền tiết kiệm tại Hội phụ nữ phường QT với tổng số tiền gửi là 22.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/1 tháng. Nay bà C ủy quyền cho ông Vũ Đức T đến Hội liên hiệp phụ nữ phường QT rút tiền gốc và lãi của 02 sổ tiết kiệm trên thì Hội liên hiệp phụ nữ phường QT không cho rút tiền.

Đề nghị Tòa án buộc Hội liên hiệp phụ nữ phường QT phải trả lại cho bà Tổng Thị C số tiền gửi tiết kiệm gốc là 22.000.000 đồng (một sổ 15.000.000 đồng, một sổ 7.000.000 đồng); tiền lãi 1,5%/1 tháng tính đến ngày 23/7/2024 là 75.060.500 đồng.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Hoàng Thị Thu H trình bày:

Năm 2011 bà H được bầu làm phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường QT khóa VI nhiệm kỳ 2011-2016, đến ngày 6/7/2020 được bầu làm Chủ tịch. Khi tiếp nhận chức danh mới giữa Ban chấp hành khóa trước và Ban chấp hành khóa sau có bàn giao gồm: Công tác Hội; Sổ sách thu chi ngân sách hàng năm; nguồn thu xã hội hóa; phần trăm trích hội phí. Ban chấp hành khóa sau không được nhận bàn giao 02 sổ tiết kiệm của bà Tổng Thị C. Bà H khẳng định đối với 02 sổ tiết kiệm bà Tổng Thị C khởi kiện yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường QT cho rút sổ tiết kiệm với số tiền gốc là 22.000.000 đồng là không có thật. Hội liên hiệp phụ nữ phường QT chưa từng phát hành sổ tiết kiệm. Trong quá trình công tác bà H chưa thấy có chủ trương phát hành sổ tiết kiệm, chưa từng thấy sổ tiết kiệm do hội phụ nữ phát hành. Thời điểm 2004 - 2005 đến nay bà Tổng Thị C không phải là Hội viên Hội liên hiệp phụ nữ phường QT. Việc bà Tổng Thị C khởi kiện yêu cầu rút tiền tiết kiệm gửi tại hội phụ nữ phường QT thể hiện qua hai sổ tiết kiệm, Hội liên hiệp phụ nữ phường QT không nhất trí vì Hội phụ nữ phường QT không phát hành sổ tiết kiệm, không thu tiền gửi tiết kiệm từ các hội viên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản

1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị C về việc yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La cho rút 02 sổ tiết kiệm với số tiền 97.062.500 đồng (Chín mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng). Bà Tống Thị C phải chịu chi phí giám định là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Được khấu trừ vào 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tạm ứng chi phí giám định bà C đã nộp, theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 228/TB-TA ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La, bà Tống Thị C đã nộp đủ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử, ngày 14 tháng 8 năm 2024 bà Tống Thị C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DSST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ý kiến của nguyên đơn: Giữ nguyên đơn khởi kiện, giữ nguyên đơn kháng cáo và bổ sung bà Tống Thị C là đảng viên trực thuộc Đảng ủy khối cho rằng: Cấp sơ thẩm có án định xét xử vào hồi 8h30 phút ngày 23/7/2024, nguyên đơn xin vắng mặt nhưng có cử nhân viên đến theo dõi phiên tòa, nhưng không thấy tòa xét xử nhưng cùng ngày vẫn ban hành bản án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Trường hợp không hủy đề nghị sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho bà C tổng số tiền là 97.062.500đ (chín mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thời hạn kháng cáo: Bà Tổng Thị C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/7/2024. Ngày 03/8/2024 Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Bản án số 24/2024/DS-ST ngày 23/7/2024 cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Ngày 14/8/2024, bà Tổng Thị C gửi đơn kháng cáo đến Tòa án cấp sơ thẩm. Như vậy, thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo của nguyên đơn bảo đảm quy định tại các Điều 271, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Tổng Thị C, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Tổng Thị C:

[2.1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn cho rằng phiên tòa sơ thẩm được ấn định xét xử vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 23/7/2024, bà và người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Đức T đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, tuy nhiên đại diện ủy quyền của nguyên đơn có cử nhân viên đến để theo dõi phiên tòa nhưng không thấy Tòa án xét xử theo thời gian đã ấn định, nhưng vẫn ban hành Bản án được xét xử vào ngày 23/7/2024 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Sau khi xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng ngày 23/7/2024, cấp sơ thẩm đã đưa vụ án nêu trên ra xét xử, các bên đương sự đều xin vắng mặt tại phiên tòa được thể hiện tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm (phiên tòa tiến hành xét xử vào hồi 08 giờ 30 ngày 23/7/2024 và kết thúc hồi 09 giờ 20 phút cùng ngày), Biên bản nghị án thể hiện hội đồng xét xử nghị án vào hồi 08 giờ 50 phút, kết thúc hồi 09 giờ cùng ngày và bài phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố S thể hiện phiên tòa sơ thẩm được diễn ra vào ngày 23/7/2024. Ngoài ra không có văn bản cử người tham gia phiên tòa của văn phòng luật sư L. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2.3] Về nội dung vụ án:

Về phía nguyên đơn bà C cho rằng là hội viên Hội phụ nữ phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La (nay là Hội liên hiệp phụ nữ phường QT). Năm 2005 bà C được biết Hội phụ nữ phường QT có chủ trương vận động hội viên gửi tiền tiết kiệm tại Hội. Trong các ngày 04/5/2005 và ngày 18/5/2005, bà C đã gửi tiền

tiết kiệm tại Hội phụ nữ phường QT với tổng số tiền gửi là 22.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/1 tháng. Nay đề nghị Tòa án buộc Hội liên hiệp phụ nữ phường QT phải trả lại cho bà Tống Thị C số tiền gửi tiết kiệm gốc là 22.000.000 đồng (một số 15.000.000 đồng, một số 7.000.000 đồng); tiền lãi 1,5%/1 tháng tính từ ngày 18/5/2005 đến ngày 23/7/2024 là 75.060.500 đồng. Tổng cộng là 97.062.500 đồng.

Về phía đại diện cho bị đơn bà H không nhất trí vì trong quá trình công tác bà Hiền chưa thấy có chủ trương phát hành sổ tiết kiệm, chưa từng thấy sổ tiết kiệm do Hội phụ nữ phát hành. Thời điểm 2004 - 2005 đến nay bà Tống Thị C không phải là Hội viên Hội liên hiệp phụ nữ phường QT. Việc bà Tống Thị C khởi kiện yêu cầu rút tiền tiết kiệm gửi tại hội phụ nữ phường QT thể hiện qua hai sổ tiết kiệm, Hội liên hiệp phụ nữ phường QT không nhất trí vì hội phụ nữ phường QT không phát hành sổ tiết kiệm, không thu tiền gửi tiết kiệm từ các Hội viên.

Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định con dấu, chữ viết, chữ ký trong 2 cuốn sổ tiết kiệm do bà C xuất trình.

Tại kết luận giám định số 2532/KL-KTHS ngày 15/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: "Hình dấu trong có nội dung "B.C.H HỘI PHỤ NỮ PHƯỜNG QT - HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TX S T.SƠN LA" được đóng trong 02 sổ tiết kiệm mang tên Tống Thị C ký hiệu là A1, A2 so với hình dấu tròn có nội dung được lưu chiếu tại phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự - xã hội - Công an tỉnh Sơn La ký hiệu là M1 là do cùng con dấu đóng ra; chữ ký tại 02 sổ tiết kiệm mang tên bà Tống Thị C là chữ ký trực tiếp".

Tại kết luận giám định số 1136/KL-KTHS ngày 28/5/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: "Chữ ký tại cột "số dư" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" TRÊN MẪU SO SÁNH KÝ HIỆU M1 là do cùng một người ký ra".

Do đó xác định được con dấu đóng trên hai sổ tiết kiệm là của Hội phụ nữ phường QT và chữ ký là của bà Nguyễn Thị N, nguyên Chủ tịch phụ nữ phường QT nhiệm kỳ 2001-2005.

Do có mâu thuẫn về lời khai của các bên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và các ban, ngành đoàn thể như sau: Xác minh đối với bà Phạm Thị D - nguyên là phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường QT nhiệm kỳ 2001-2006; xác minh đối với bà Nguyễn Thị H2 - nguyên là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường QT nhiệm kỳ 2006-2011; xác minh đối

với ông Nguyễn Đình T2 - nguyên Bí thư Đảng ủy phường QT; công văn phúc đáp số 1285/BTV-TGCSLP ngày 27/7/2023 của Ban thường vụ Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Sơn La đều xác định chính quyền địa phương và các Hội cấp trên và Hội phụ nữ phường QT (qua các nhiệm kỳ từ năm 2005 đến nay) không có chủ trương cũng như không phát hành sổ tiết kiệm hoặc huy động vốn của Hội viên dưới hình thức gửi tiết kiệm có lãi. Đối với 02 sổ tiết kiệm ký tên của bà Nguyễn Thị N, được đóng dấu Hội Liên hiệp phụ nữ phường QT là do cá nhân của bà Nguyễn Thị N - nguyên Chủ tịch hội phụ nữ phường QT nhiệm kỳ 2000 - 2005 (đã chết ngày 26/8/2022) phát hành, việc huy động vốn dưới hình thức gửi tiết kiệm không được bàn bạc hay thống nhất trong tổ chức Hội và cá nhân các đồng chí cán bộ Hội không được biết nội dung này Hội liên hiệp phụ nữ phường QT chưa từng phát hành sổ tiết kiệm. Thời điểm 2004 - 2005 đến nay bà Tống Thị C không phải là Hội viên Hội liên hiệp phụ nữ phường QT. Ngoài 02 sổ tiết kiệm thì không có bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc gửi tiết kiệm.

Việc giao nhận tiền không được lập thành văn bản, bà C không đến Hội phụ nữ phường QT để nộp tiền mà đưa trực tiếp cho bà N, ngoài 02 sổ tiết kiệm trên không có bất kỳ văn bản nào khác để chứng minh. Như vậy, 02 sổ tiết kiệm ký tên của bà N, được đóng dấu Hội Liên hiệp phụ nữ phường QT là do cá nhân của bà Nguyễn Thị N - nguyên Chủ tịch hội phụ nữ phường QT nhiệm kỳ 2000 - 2005 tự ý phát hành, việc huy động vốn dưới hình thức gửi tiết kiệm do bà N tự ý thực hiện mà không có sự chỉ đạo tổ chức Hội phụ nữ cấp trên và cấp ủy địa phương, không có sự bàn bạc thống nhất trong Hội phụ nữ phường QT. Do đó, có căn cứ xác định việc giao nhận tiền và lập 02 sổ tiết kiệm giữa bà Nguyễn Thị N với bà Tống Thị C là giao dịch dân sự cá nhân giữa bà Nguyễn Thị N với bà Tống Thị C, không phải giao dịch giữa tổ chức Hội liên hiệp phụ nữ phường QT với bà Tống Thị C.

Từ nhận định, phân tích nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Tống Thị C là có căn cứ đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm bà C không cung cấp bổ sung được tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên bà Tống Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2024/DS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Tống Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2024).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố S;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền